

Bản án số: 74/2024/DSST
Ngày: 22-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC – TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo.

2. Ông Nguyễn Hoàng Triung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Liem – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TB-TLVA ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 (có mặt) .

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T tỉnh Tiền Giang

* Bị đơn: Chị Lê Thị Kim P, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị cho chị Lê Thị Kim P vay tổng cộng số tiền là 80.000.000 đồng làm 03 lần, có làm biên nhận, chị P chưa trả vốn lãi cho chị, như sau :

- Ngày 01/01/2023 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 8%/tháng

- Ngày 16/6/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 7%/tháng

- Ngày 17/8/2023 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 20%/tháng

Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **Lê Thị Kim P** trả chị số tiền vốn 80.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử đồng ý trừ số tiền chị ký tên vào biên nhận vay chị **Lê Thị Kim P** số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 28/02/2023 và tính lãi suất theo quy định pháp luật lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử 70.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử, còn lại chị yêu cầu chị **P** trả chị khi án có hiệu lực pháp luật

* Trong đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai và trong quá trình tố tụng chị **Lê Thị Kim P** trình bày: chị thừa nhận lời trình bày của chị **Nguyễn Thị N**: Chị vay chị **N** số tiền là 80.000.000 đồng làm 03 lần, có làm biên nhận như trên, số tiền vay 20.000.000 đồng chị trả lãi mỗi tháng 1.600.000 đồng trả được 07 tháng là 9.600.000 đồng, số tiền vay 10.000.000 đồng chị trả lãi 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền là 700.000 đồng trả lãi được 04 lần là 2.800.000 đồng. chị trả lãi cho chị **N** được tổng cộng số tiền 17.400.000 đồng, trả lãi không làm giấy tờ, vốn chưa trả.

Chị **Nguyễn Thị N** vay chị số tiền 70.000.000 đồng, có làm biên nhận vay vào ngày 28/02/2023 chị đồng ý cần trừ số tiền chị **N** vay chị là 70.000.000 đồng và tính lãi tính theo lãi suất 1,66%/tháng đến ngày xét xử cộng với số tiền lãi chị trả chị **N** với số số tiền lãi là 17.400.000 đồng vào số tiền vốn chị vay chị **N** 80.000.000 đồng và đồng ý tính tính lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử; bên nào còn nợ thì có nghĩa vụ trả, chị không đồng ý trả chị **N** số tiền vốn 10.000.000 đồng. sau khi trừ vốn

* Chị **Nguyễn Thị N** trình bày: chị không có nhận số tiền lãi nào như chị **P** trình bày. Nếu chị **P** không đồng ý trả chị số tiền 10.000.000 đồng sau khi đối trừ số tiền vốn vay của hai bên thì chị yêu cầu tính lãi của số tiền vay của 02 bên từ ngày vay theo lãi suất 1.66%/tháng đến ngày xét xử đối trừ trừ vào số tiền vốn lãi của 02 bên, bên nào thiếu bao nhiêu thì trả bấy nhiêu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, hỏi tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra, hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định: quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng vay tài sản”

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt; Tòa án căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tòa án xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn chị Lê Thị Kim P trình bày thống nhất :

Chị P vay chị N số tiền là 80.000.000đồng làm 03 lần như sau

- Ngày 01/01/2023 vay số tiền 20.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 8%/tháng

- Ngày 16/6/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 7%/tháng

- Ngày 17/8/2023 vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 20%/tháng

Vay có làm biên nhận , chị N trình bày sau khi vay chưa trả vốn lãi

Chị Lê Thị Kim P trình bày:chị thừa nhận lời trình bày của chị N :

Chị vay chị N số tiền là 80.000.000đồng làm 03 lần,có làm biên nhận, số tiền vay 20.000.000đồng chị trả lãi mỗi tháng 1.600.000đồng trả được 07 tháng là 9.600.000đồng, số tiền vay 10.000.000đồng chị trả lãi 10 ngày trả 01 lần 700.000đồng trả được 04 lần là 2.800.000đồng.trả lãi được tổng cộng số tiền 17.400.000đồng, trả lãi không làm giấy tờ, vốn chưa trả; Chị N vay số tiền 70.000.000đồng, có làm biên nhận vào ngày 28/02/2023 chị đồng ý cầm trừ số tiền 70.000.000đồng và số tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng đến ngày xét xử vào số tiền 80.000.000đồng xem như hai bên không còn nợ ai, chị không đồng ý trả chị N số tiền vốn 10.000.000đồng. Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị N không thừa nhận nhận số tiền lãi nào như chị P trình bày. Nếu chị P không đồng ý trả số tiền vốn 10.000.000đồng cho chị N chị N yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1.66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử đối trừ vào số tiền vốn lãi của 02 bên,nếu bên nào thiếu bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Chị P trình bày trả chị N số tiền lãi tổng cộng là 17.400.000đồng chị N không thừa nhận chị P không có chứng cứ gì chứng minh; Tòa án không chấp nhận trình bày của chị P. Do đó, Tòa án xác định chị P vay chị N 03 lần tổng cộng số tiền 80.000.000đồng; chị N vay chị P số tiền 70.000.000đồng

Như vậy số tiền chị P vay chị N tính lãi đến nay như sau:

Ngày 01/01/2023 vay số tiền 20.000.000đồng x 1,66%/tháng x19 tháng = 6.640.000đồng

- Ngày 16/6/2023 vay số tiền 10.000.000đồng x 1,66%/tháng x14 tháng = 2.324.000đồng

- Ngày 17/8/2023 vay số tiền 50.000.000đồng x 1,66%/tháng x12 tháng = 9.960.000đồng

Tổng cộng vốn lãi chị **P** vay của chị **N** là 96.474.000đồng

Như vậy số tiền chị **N** chị **P** tính lãi đến nay như sau:

Ngày 28/02/2023 số tiền 70.000.000đồng x 1,66%/tháng x 18 tháng = 20.916.000đồng

Tổng cộng vốn lãi chị **N** vay của chị **P** là 90.916.000đồng

Đối với số tiền lãi chị **P** trình bày trả lãi cho chị **N** là 17.400.000đồng không có giấy tờ gì chứng minh chị **N** không thừa nhận , tại phiên tòa chị **P** không yêu cầu trừ số vào số tiền vốn lãi của chị **N**.Tòa án không đối trừ vào số tiền vốn lãi chị **P** vay chị **N**

Do đó,Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N**;Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của chị **Lê Thị Kim P**.

Như vậy sau khi đối trừ số tiền vốn lãi chị **P** vay chị **N** vào số tiền vốn lãi chị **N** vay chị **P** như sau :

$96.474.000\text{đồng} - 90.916.000\text{đồng} = 5.558.000\text{đồng}.$

Số tiền 5.558.000đồng. Tòa án cần buộc chị **P** có nghĩa vụ trả chị **N** khi án có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm chị **Lê Thị Kim P** có nghĩa vụ phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn chị **N** được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của chị **Lê Thị Kim P.**

1/ Buộc chị **Lê Thị Kim P** có nghĩa vụ trả chị **Nguyễn Thị N** số tiền 5.558.000đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày chị **N.** có yêu cầu thi hành án, nếu chị **P** chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

2/ Về án phí:

Chị **Lê Thị P1** phải chịu số tiền.277.900đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị **P1** đã nộp số tiền 2.156.700đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003454, ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang. **H** lại chị **P1** 1.878.800đồng

. **H** lại chị **Nguyễn Thị N** số tiền 2.098.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003224, ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước - TG;
- THADS huyện Tân Phước- TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trường